

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS- ST

Ngày 09/8/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên và bà Lê Thị Cần

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/8/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (Viết tắt: Ngân hàng TMCP Phát triển hoặc Ngân hàng), địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh K, phường B, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Công N, công tác tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh G, địa chỉ: 01 Phù Đ, p. Phù Đ, TP. P, Gia Lai, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021, ông Nguyễn có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X, cùng địa chỉ: Làng L, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh (Đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Công N) trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 1173/17- HĐTDHM-CN/170 ngày 27/12/2017 thì ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X vay của Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Gia Lai 300.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 36 tháng

(Việc giải ngân và trả nợ gốc thực hiện theo từng khế ước nhận nợ, là một bộ phận của hợp đồng); lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi suất cho vay có thể thay đổi từng thời điểm theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; trả lãi 06 tháng một lần; Ngày trả nợ gốc lần đầu là ngày 27/12/2018; mục đích vay vốn: bổ sung vốn trồng trọt, chăn nuôi.

Hợp đồng được giải ngân lần đầu theo khế ước nhận nợ số 1173/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN01 ngày 27/12/2017.

Cuối năm 2018, ông Xí, bà Xuân trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận. Ông X và bà X được Ngân hàng giải ngân lại lần hai là 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1173/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN02 ngày 27/12/2018. Thời vay 12 tháng, từ ngày 28/12/2018 đến ngày 27/12/2019. Lãi suất trong hạn là 11,5%/năm,

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông X ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0508/15/HĐBĐ-170 ngày 23/12/2015. Theo đó, Ông X thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 001, tờ bản trích đo, diện tích đất là 9385m² tại xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 167044 do UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Võ Văn X ngày 22/9/2011).

Kể từ ngày nhận nợ lần thứ hai (ngày 27/12/2018) cho đến nay, ông X, bà X không trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo ông X, bà X để thu hồi nợ nhưng vợ chồng ông X, bà X vẫn không trả nợ. Toàn bộ khoản nợ của ông X, bà X đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu ông X, bà X trả cho Ngân hàng các khoản:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tính từ ngày nhận nợ lần hai đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2021) là 130.524.374 đồng.
- Tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/8/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Nếu ông X, bà X không tự nguyện trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên để thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của ông X, bà X.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Ông X và bà X trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển 300.000.000 đồng nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận.

Buộc ông X, bà X chịu toàn bộ án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện ông Võ văn X và bà Trần Thị Lệ X để thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng TMCP Phát triển là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Xí, bà Xuân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 1173/17- HĐTDHM-CN/170 ngày 27/12/2017; khế ước nhận nợ số 1173/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN02 ngày 27/12/2018 và các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, có căn cứ để nhận định:

Ngày 27/12/2018 ông X, bà X vay của Ngân hàng TMCP Phát triển 300.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 12 tháng; lãi suất cho vay 11,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Ngày trả nợ gốc là ngày 27/12/2019; mục đích vay vốn: bổ sung vốn trồng trọt, chăn nuôi.

Ông X, bà X thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 001, tờ bản trích đo, diện tích đất là 9385m² tại xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0508/15/HĐBĐ-170 được ký kết và công chứng ngày 23/12/2015.

Kể từ ngày nhận nợ (ngày 27/12/2018) cho đến nay ông Xí, bà Xuân không trả cho Ngân hàng khoản tiền nào.

Ngân hàng yêu cầu ông X, bà X trả cho Ngân hàng các khoản:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tính từ ngày nhận nợ lần hai đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2021) là 130.524.374 đồng.

Tổng cộng: 430.524.374 đồng.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Trường hợp Ông X và bà X không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 001, tờ bản đồ trích đo, địa chỉ tại xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng tài sản gắn liền với thửa đất này (cây cà phê, cây tiêu, cây muông, cây điều, 01 nhà tạm, 01 giếng nước, trụ bê tông) để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp đủ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên Ngân hàng không phải chịu. Ông X, bà X có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí: Buộc ông X, bà X chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Buộc ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (thông qua Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hnh - Chi nhánh G) các khoản:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tính từ ngày nhận nợ lần hai đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2021) là 130.524.374 đồng.

Tổng cộng: 430.524.374 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi bốn đồng).

2. Trường hợp ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 001, tờ bản trích đo, diện tích đất là 9385m² tại xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 167044 do UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/9/2011) cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0508/15/HĐBĐ-170 ngày 23/12/2015 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ông X và bà X có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

4. Về án phí: ông Võ Văn X và bà Trần Thị Lệ X chịu 21.220.975 đồng (hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP Phát triển không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.515.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008375 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

5. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 10/8/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì

mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng